

Số: /TB-HĐTS

Đồng Tháp, ngày 30 tháng 8 năm 2024

THÔNG BÁO

Điểm trúng tuyển đợt bổ sung các ngành trình độ đại học chính quy năm 2024
- Mã phương thức 100 - xét kết quả thi tốt nghiệp THPT;
- Mã phương thức 200 - xét tuyển kết quả học tập cấp THPT (học bạ);
- Mã phương thức 402 - xét tuyển kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2024 của ĐHQG TP.HCM

Căn cứ Quyết định số 1139/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2024;

Căn cứ Hướng dẫn số 1957/BGDĐT-GDDH ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 166/QĐ-ĐHĐT ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 780/QĐ-ĐHĐT ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Đề án tuyển sinh năm 2024;

Căn cứ Kế hoạch số 1630/KH-ĐHĐT-HĐTS ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Trường Đại học Đồng Tháp về kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2024;

Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2024 đã được phê duyệt và số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển đợt bổ sung theo phương thức xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 (THPT); kết quả học tập cấp THPT (học bạ); kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2024 của ĐHQG TP.HCM (ĐGNL).

Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Đồng Tháp thống nhất điểm trúng tuyển theo các phương thức trên như sau:

1. Điểm trúng tuyển:

TT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn	Môn xét tuyển	Điểm trúng tuyển		
					THPT	Học bạ	ĐGNL
1	Kinh doanh quốc tế	7340120	A00	Toán, Lý, Hóa	15	24,5	615
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh			
			D01	Văn, Toán, Tiếng Anh			
			D10	Toán, Địa, Tiếng Anh			
2	Công nghệ sinh học (Mỹ phẩm - y dược; Nông nghiệp; Thực phẩm; Môi trường)	7420201	A00	Toán, Lý, Hóa	15	24,2	615
			A02	Toán, Lý, Sinh			
			B00	Toán, Hóa, Sinh			
			D08	Toán, Sinh, Tiếng Anh			

TT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn	Môn xét tuyển	Điểm trúng tuyển		
					THPT	Học bạ	ĐGNL
3	Khoa học Máy tính Cố 02 chuyên ngành: - Công nghệ phần mềm; - Mạng máy tính và an ninh	7480101	A00	Toán, Lý, Hóa	15	19	615
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh			
			A02	Toán, Lý, Sinh			
			D90	Toán, KHTN, Tiếng Anh			
			A04	Toán, Lý, Địa			
4	Công nghệ thông tin	7480201	A00	Toán, Lý, Hóa	16	24,45	615
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh			
			A02	Toán, Lý, Sinh			
			D90	Toán, KHTN, Tiếng Anh			
			A04	Toán, Lý, Địa			
5	Kỹ thuật xây dựng	7580201	A00	Toán, Lý, Hóa	15	23,3	615
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh			
			C01	Văn, Toán, Lý			
			D01	Văn, Toán, Tiếng Anh			
6	Nông học (Bảo vệ thực vật; Trồng trọt; Chăn nuôi thú y và thủy sản)	7620109	A00	Toán, Lý, Hóa	15	24,11	615
			B00	Toán, Hóa, Sinh			
			D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh			
			D08	Toán, Sinh, Tiếng Anh			
7	Nuôi trồng thủy sản	7620301	A00	Toán, Lý, Hóa	15	21	615
			B00	Toán, Hóa, Sinh			
			D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh			
			D08	Toán, Sinh, Tiếng Anh			
8	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	A00	Toán, Lý, Hóa	15	22,45	615
			B00	Toán, Hóa, Sinh			
			D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh			
			D08	Toán, Sinh, Tiếng Anh			
9	Quản lý đất đai	7850103	A00	Toán, Lý, Hóa	15	24,1	615
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh			
			B00	Toán, Hóa, Sinh			
			D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh			

Lưu ý:

- Tổ hợp môn A04 không xét tuyển theo mã phương thức 100; D90 không xét tuyển theo mã phương thức 200; Mã phương thức 402 không sử dụng tổ hợp để xét tuyển, chỉ xét điểm của kỳ thi đánh giá năng lực ĐHQG HCM năm 2024.

- Các tổ hợp xét tuyển trong cùng 01 ngành là bằng nhau và được xác định theo ngành.

- Ưu tiên xét tuyển theo thứ tự mã phương thức: (1) 100; (2) 200; (3) 402.

- THPT: kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024.

- Học bạ: kết quả học tập cấp THPT.

- ĐGNL: kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2024 của ĐHQG TP.HCM.

2. Chính sách ưu tiên (đối tượng và khu vực) trong tuyển sinh

2.1. Đối tượng hưởng ưu tiên: Thực hiện theo khoản 1, 2 Điều 7 của của Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT.

2.2. Mức điểm cộng ưu tiên:

2.2.1. Đối với phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT và phương thức xét tuyển kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn

(KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên.

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2.0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm.

2.2.2. Đối với Phương thức xét tuyển kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2024 của ĐHQG TP.HCM

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho KV1 là 30 điểm, KV2-NT là 20 điểm, KV2 là 10 điểm; KV3 không được tính điểm ưu tiên.

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 80 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 40 điểm.

2.3. Cách tính điểm ưu tiên đối với phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT và phương thức xét tuyển kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

- Thí sinh xem tại: <https://qao.dthu.edu.vn/post/id-1419>

- Từ năm 2023, thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp; Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định về điểm ưu tiên được quy định tại Điều 7 của Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$Điểm\ ưu\ tiên = [(30 - Tổng\ điểm\ đạt\ được) / 7,5] \times Mức\ điểm\ ưu\ tiên\ quy\ định\ tại\ khoản\ 1,\ 2\ Điều\ 7\ của\ Thông\ tư\ 08/2022/TT-BGDĐT.$

3. Cách tính điểm xét tuyển

(1) Cách tính điểm xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT: là tổng điểm các môn thi (thang điểm 10) của tổ hợp xét tuyển ứng với ngành do thí sinh đăng ký; cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (Điều 7, Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT) và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

$Điểm\ xét\ tuyển = [(Điểm\ môn\ 1 + Điểm\ môn\ 2 + Điểm\ Môn\ 3)]$ (làm tròn đến hai chữ số thập phân) + điểm ưu tiên (xem mục 2.2. và mục 2.3.).

(2) Cách tính điểm xét tuyển theo kết quả học tập cấp THPT (học bạ):

- Đối với dùng điểm Trung bình của 3 môn lớp 12 theo tổ hợp xét tuyển:

$Điểm\ xét\ tuyển = (Điểm\ môn\ 1 + Điểm\ môn\ 2 + Điểm\ môn\ 3)$ (làm tròn đến hai chữ số thập phân) + điểm ưu tiên (xem mục 2.2. và mục 2.3.).

- Đối với dùng điểm Trung bình cả năm lớp 12:

$Điểm\ xét\ tuyển = (Điểm\ Trung\ bình\ cả\ năm\ lớp\ 12 \times 3)$ (làm tròn đến hai chữ số thập phân) + điểm ưu tiên (xem mục 2.2. và mục 2.3.).

(3) Cách tính điểm xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2024 của ĐHQG TP.HCM:

$Điểm\ xét\ tuyển = Điểm\ ĐGNL + điểm\ ưu\ tiên$ (xem mục 2.2.).

4. Nguyên tắc xét tuyển chung và cách tính điểm trúng tuyển

4.1. Nguyên tắc xét tuyển chung

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

- Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của phương thức xét tuyển tương ứng.

- Đối với những ngành có chuyên ngành, sau khi trúng tuyển và nhập học theo ngành, thí sinh được chọn chuyên ngành theo học.

- Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định về điểm ưu tiên được quy định tại Điều 7 của Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT.

- Gửi đủ hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm: 01 Phiếu đăng ký xét tuyển (*theo mẫu*); 01 bản photocopy công chứng giấy chứng nhận kết quả thi kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024; 01 bản photocopy công chứng học bạ THPT; 01 bản photocopy giấy chứng nhận kết quả thi đánh giá năng lực 2024 của ĐHQG TP.HCM (nếu có); 01 bản photocopy căn cước công dân; 01 bản photocopy giấy chứng nhận kết quả thi năng khiếu (nếu thí sinh lấy kết quả thi năng khiếu của trường đại học khác để xét tuyển), lệ phí xét tuyển, lệ phí thi tuyển (nếu có) đối với các thí sinh đăng xét tuyển theo mã phương thức 100, 200, 402.

4.2. Cách tính điểm trúng tuyển

Thí sinh trúng tuyển nếu có **Điểm xét tuyển** bằng hoặc lớn hơn **Điểm trúng tuyển** của ngành tương ứng. Thí sinh được xét trúng tuyển 01 nguyện vọng có thứ tự ưu tiên cao nhất trong số những nguyện vọng đủ Điểm trúng tuyển.

5. Tra cứu kết quả xét tuyển:

Thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển tại địa chỉ:

<https://qao.dthu.edu.vn/tuyen-sinh/ket-qua-xet-tuyen>

6. Thí sinh trúng tuyển cần phải thực hiện:

6.1. Thực hiện TRỰC TUYẾN từ 30/8 đến 04/9/2024

- Truy cập <https://sinhvien.dthu.edu.vn/nhap-hoc-truc-tuyen.html>

- Đóng các khoản phí đầu năm (**mục 7.2.**) xong sẽ được gửi email MÃ SINH VIÊN. Chi tiết xem PHỤ LỤC 1 ở thông báo <https://tuyensinh.dthu.edu.vn/thong-bao-huong-dan-sinh-vien-nop-ho-so-nhap-hoc-khoa-tuyen-sinh-nam-2024.html>

- Cập nhật thông tin cá nhân và đề xuất in Lý lịch sinh viên. Chi tiết xem PHỤ LỤC 2 ở thông báo <https://tuyensinh.dthu.edu.vn/thong-bao-huong-dan-sinh-vien-nop-ho-so-nhap-hoc-khoa-tuyen-sinh-nam-2024.html>

6.2. Nhập học TRỰC TIẾP

Thí sinh phải xác nhận nhập học **trực tiếp** tại Trường Đại học Đồng Tháp, thời gian từ ngày **30/8 đến chậm nhất là 17 giờ 00 ngày 10/9/2024**. Nếu thí sinh không xác nhận nhập học ngành trúng tuyển thì thí sinh tự hủy bỏ kết quả trúng tuyển theo thông báo này và Trường Đại học Đồng Tháp không giải quyết khiếu nại về sau.

7. Hướng dẫn nộp hồ sơ nhập học trực tiếp

7.1. Hồ sơ nhập học

STT	Tên hồ sơ	Ghi chú
1	Giấy chứng nhận kết quả thi THPT năm 2024 (<i>Đối với thí sinh có tham gia thi tốt nghiệp THPT năm 2024</i>)	<i>Bản chính</i>
2	Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời hoặc bằng tốt nghiệp THPT	<i>02 bản sao công chứng</i>
3	Học bạ trung học phổ thông	<i>01 bản sao công chứng</i>
4	Giấy khai sinh	<i>01 bản sao</i>
5	Căn cước công dân	<i>02 bản sao</i>
6	Thẻ Bảo hiểm y tế	<i>02 bản sao</i>

STT	Tên hồ sơ	Ghi chú
7	Giấy báo trúng tuyển (nhận tại trường lúc nhập học)	Bản chính
8	Lý lịch sinh viên (In từ hệ thống theo hướng dẫn Phụ lục 2)	Có xác nhận của chính quyền địa phương
9	Giấy chứng nhận sức khỏe	Trung tâm Y tế huyện trở lên cấp
10	02 ảnh thẻ 3x4 (bắt buộc phong trắng).	Chụp trong 06 tháng
11	Giấy xác nhận ưu tiên	Nếu có
12	Hồ sơ chuyển sinh hoạt Đoàn, Đảng	Nếu có
13	Quyết định cử đi học của cơ quan, đơn vị (nếu là viên chức nhà nước hoặc cán bộ chiến sĩ lực lượng vũ trang)	Nếu có

7.2. Các khoản thu phí nhập học đầu năm

STT	Nội dung thu	Ngành sư phạm		Ngành ngoài sư phạm
		Cao đẳng	Đại học	
1	Bảo hiểm y tế (bắt buộc) (15 tháng, từ 01/10/2024 đến 31/12/2025)	947.700 đồng	947.700 đồng	947.700 đồng
2	Bảo hiểm tai nạn (tự nguyện) (từ tháng 10/2024 đến hết tháng 9/2025)	150.000 đồng	150.000 đồng	150.000 đồng
3	Tài liệu điện tử (tự nguyện)	82.300 đồng	102.300 đồng	102.300 đồng
4	Học phí (tạm thu Học kỳ I)	0 đồng	0 đồng	7.000.000 đồng
Tổng cộng		1.180.000 đồng	1.200.000 đồng	8.200.000 đồng

8. Tiếp tục nhận hồ sơ xét tuyển **bổ sung đợt 1 (phụ lục I) các phương thức và theo thời gian:**

8.1. Phương thức xét tuyển

- Mã phương thức 100: kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024;
- Mã phương thức 200: xét tuyển kết quả học tập cấp THPT (học bạ);
- Mã phương thức 301: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8);
- Mã phương thức 402: xét tuyển kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2024 của ĐHQG TP.HCM;

8.2. Thời gian tổ chức tuyển sinh:

Nội dung	Thời gian
Nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển	Đến 17 giờ ngày 9/9/2024
Công bố kết quả trúng tuyển	Trước 17 giờ ngày 12/9/2024
Thí sinh xác nhận nhập học và làm thủ tục nhập học	Trước 17 giờ ngày 20/9/2024

9. Giải đáp thắc mắc:

Mọi thông tin chi tiết liên quan đến **kết quả xét tuyển**, thí sinh vui lòng liên hệ Phòng Bảo đảm chất lượng (Điện thoại: 0277.3882258) để được giải đáp; liên quan đến **hướng dẫn nộp hồ sơ nhập học**, thí sinh vui lòng liên hệ Phòng Công tác sinh viên và Truyền thông (Điện thoại 0277.3995599) để được giải đáp.

- Địa chỉ: số 783 Phạm Hữu Lầu, Phường 6, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp;
- Email: tuyensinh@dthu.edu.vn hoặc dhdt@dthu.edu.vn
- Facebook: www.facebook.com/dongthapuni

Nơi nhận:

- Lãnh đạo trường;
- Các đơn vị trong trường;
- Website: tuyensinh.dthu.edu.vn;
- Lưu: VT, BDCL, T.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**HIỆU TRƯỞNG
Hồ Văn Thống**

PHỤ LỤC I

DANH SÁCH CÁC NGÀNH XÉT TUYỂN **BỔ SUNG ĐỢT 1**

- Mã phương thức 100: kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024;
- Mã phương thức 200: xét tuyển kết quả học tập cấp THPT (học bạ);
- Mã phương thức 301: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8);
- Mã phương thức 402: xét tuyển kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2024 của ĐHQG TP.HCM;

TT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn	Môn xét tuyển	Điểm xét tuyển		
					THPT	Học bạ	ĐGNL
Các ngành đào tạo giáo viên							
1	Giáo dục Mầm non (Cao đẳng)	51140201	M00	Văn, Toán, NK GDMN	25,8	26,37	615
			M05	Văn, Sử, NK GDMN			
			C19	Văn, Sử, GDCD			
			C20	Văn, Địa, GDCD			
2	Giáo dục Mầm non	7140201	M00	Văn, Toán, NK GDMN	26,41	26,5	701
			M05	Văn, Sử, NK GDMN			
			C19	Văn, Sử, GDCD			
			C20	Văn, Địa, GDCD			
3	Giáo dục Tiểu học	7140202	C01	Văn, Toán, Lý	25,27	27,5	701
			C03	Văn, Toán, Sử			
			C04	Văn, Toán, Địa			
			D01	Văn, Toán, Tiếng Anh			
4	Giáo dục Công dân	7140204	C00	Văn, Sử, Địa	26,98	27,96	701
			C19	Văn, Sử, GDCD			
			D01	Văn, Toán, Tiếng Anh			
			D14	Văn, Sử, Tiếng Anh			
5	Sư phạm Tin học	7140210	A00	Toán, Lý, Hóa	23,76	27,25	701
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh			
			A02	Toán, Lý, Sinh			
			D90	Toán, KHTN, Tiếng Anh			
			A04	Toán, Lý, Địa			
6	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	D01	Văn, Toán, Tiếng Anh	25,43	28,2	780
			D14	Văn, Sử, Tiếng Anh			
			D15	Văn, Địa, Tiếng Anh			
			D13	Văn, Sinh, Tiếng Anh			
7	Sư phạm Công nghệ	7140246	A00	Toán, Lý, Hóa	24,1	27,1	701
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh			
			A02	Toán, Lý, Sinh			
			D90	Toán, KHTN, Tiếng Anh			
			A04	Toán, Lý, Địa			
8	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247	A00	Toán, Lý, Hóa	24,63	28	701
			A02	Toán, Lý, Sinh			
			B00	Toán, Hóa, Sinh			
9	Sư phạm Lịch sử và Địa lý	7140249	C00	Văn, Sử, Địa	26,98	27,85	701
			D14	Văn, Sử, Tiếng Anh			
			D15	Văn, Địa, Tiếng Anh			
			A07	Toán, Sử, Địa			

TT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn	Môn xét tuyển	Điểm xét tuyển		
					THPT	Học bạ	ĐGNL
10	Ngôn ngữ Trung Quốc Có 02 chuyên ngành: - Ngôn ngữ Trung Quốc - Ngôn ngữ Trung - Anh	7220204	C00 D01 D14 D15	Văn, Sử, Địa Văn, Toán, Tiếng Anh Văn, Sử, Tiếng Anh Văn, Địa, Tiếng Anh	23,7	25,9	615
11	Quản lý văn hóa (Sự kiện và truyền thông)	7229042	C00 C19 C20 D14	Văn, Sử, Địa Văn, Sử, GDCD Văn, Địa, GDCD Văn, Sử, Tiếng Anh	23,48	23,8	615
12	Tâm lý học giáo dục	7310403	A00 C00 C19 D01	Toán, Lý, Hóa Văn, Sử, Địa Văn, Sử, GDCD Văn, Toán, Tiếng Anh	24,2	25,1	615
13	Địa lý học (Địa lý du lịch)	7310501	A07 C00 D14 D15	Toán, Sử, Địa Văn, Sử, Địa Văn, Sử, Tiếng Anh Văn, Địa, Tiếng Anh	25,2	23,8	615
14	Việt Nam học (Hướng dẫn viên du lịch; Quản lý Nhà hàng và Khách sạn)	7310630	C00 C19 C20 D01	Văn, Sử, Địa Văn, Sử, GDCD Văn, Địa, GDCD Văn, Toán, Tiếng Anh	23,93	25,53	615
15	Quản trị kinh doanh Có 02 chuyên ngành: - Quản trị kinh doanh - Quản trị Marketing	7340101	A00 A01 D01 D10	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Văn, Toán, Tiếng Anh Toán, Địa, Tiếng Anh	16,5	24,13	615
16	Kế toán Có 02 chuyên ngành: - Kế toán - Kế toán doanh nghiệp	7340301	A00 A01 D01 D10	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Văn, Toán, Tiếng Anh Toán, Địa, Tiếng Anh	19,1	24,3	615
17	Luật	7380101	A00 C00 C14 D01	Toán, Lý, Hóa Văn, Sử, Địa Văn, Toán, GDCD Văn, Toán, Tiếng Anh	24,21	26,37	615
18	Công nghệ sinh học (Mỹ phẩm - y dược; Nông nghiệp; Thực phẩm; Môi trường)	7420201	A00 A02 B00 D08	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Sinh Toán, Hóa, Sinh Toán, Sinh, Tiếng Anh	15	24,2	615
19	Khoa học môi trường (Môi trường; An toàn sức khỏe môi trường)	7440301	A00 B00 D07 D08	Toán, Lý, Hóa Toán, Hóa, Sinh Toán, Hóa, Tiếng Anh Toán, Sinh, Tiếng Anh	15	23,53	615
20	Khoa học Máy tính Có 02 chuyên ngành: - Công nghệ phần mềm; - Mạng máy tính và an ninh	7480101	A00 A01 A02 D90 A04	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Toán, Lý, Sinh Toán, KHTN, Tiếng Anh Toán, Lý, Địa	15	19	615

TT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn	Môn xét tuyển	Điểm xét tuyển		
					THPT	Học bạ	ĐGNL
21	Công nghệ thông tin	7480201	A00	Toán, Lý, Hóa	16	24,45	615
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh			
			A02	Toán, Lý, Sinh			
			D90	Toán, KHTN, Tiếng Anh			
			A04	Toán, Lý, Địa			
22	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	A00	Toán, Lý, Hóa	19,21	25,4	615
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh			
			D01	Văn, Toán, Tiếng Anh			
			D10	Toán, Địa, Tiếng Anh			
23	Công nghệ thực phẩm	7540101	A00	Toán, Lý, Hóa	18,3	25,85	615
			B00	Toán, Hóa, Sinh			
			D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh			
			D08	Toán, Sinh, Tiếng Anh			
24	Kỹ thuật xây dựng	7580201	A00	Toán, Lý, Hóa	15	23,3	615
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh			
			C01	Văn, Toán, Lý			
			D01	Văn, Toán, Tiếng Anh			
25	Nông học (Bảo vệ thực vật; Trồng trọt; Chăn nuôi thú y và thủy sản)	7620109	A00	Toán, Lý, Hóa	15	24,11	615
			B00	Toán, Hóa, Sinh			
			D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh			
			D08	Toán, Sinh, Tiếng Anh			
26	Nuôi trồng thủy sản	7620301	A00	Toán, Lý, Hóa	15	21	615
			B00	Toán, Hóa, Sinh			
			D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh			
			D08	Toán, Sinh, Tiếng Anh			
27	Công tác xã hội	7760101	C00	Văn, Sử, Địa	23,23	23,8	615
			C19	Văn, Sử, GDCD			
			C20	Văn, Địa, GDCD			
			D14	Văn, Sử, Tiếng Anh			
28	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	A00	Toán, Lý, Hóa	15	22,45	615
			B00	Toán, Hóa, Sinh			
			D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh			
			D08	Toán, Sinh, Tiếng Anh			
29	Quản lý đất đai	7850103	A00	Toán, Lý, Hóa	15	24,1	615
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh			
			B00	Toán, Hóa, Sinh			
			D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh			

Lưu ý:

- Tổ hợp môn A04 không xét tuyển theo mã phương thức 100; D90 không xét tuyển theo mã phương thức 200; Mã phương thức 402 không sử dụng tổ hợp để xét tuyển, chỉ xét điểm của kỳ thi đánh giá năng lực ĐHQG HCM năm 2024.
- Các tổ hợp xét tuyển trong cùng 01 ngành là bằng nhau và được xác định theo ngành.
- Thứ tự ưu tiên các mã phương thức: (1) 100; (2) 200; (3) 301; (4) 402. *Như*